TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2020.
Về việc: *"Tranh chấp về Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển;

2. Ông Bùi Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020; Về việc "*Tranh chấp về Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, An Giang.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn; Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T và lời khai tại phiên toà có nội dung như sau*: Anh Trần Văn T sống chung với chị Nguyễn Thị N từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã Cần Đăng (giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 09/7/2018); Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau và mâu thuẫn trong nội bộ gia đình ngày càng trầm trọng nên cuộc sống không còn tin tưởng nhau và không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay; Thời gian sống chung cho đến nay vẫn chưa có con chung, không có tài sản và nợ chung.

Nay vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N; Về con chung, tài sản và nợ chung cũng không yêu cầu giải quyết.

* *Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị N thì*: Toà án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng chị Nguyễn Thị N đã vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, kết hợp với địa phương để làm việc với bị đơn thì chị Nguyễn Thị N đã cung cấp thông tin, thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý ly hôn với anh Trần Văn T, đồng thời yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để mở phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ly hôn; Những vấn đề khác không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị N tuy vắng mặt lần thứ nhất nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và không có yêu cầu tham dự phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị N từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo

quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên anh Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời chị Nguyễn Thị N để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng chị không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn T là được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung*: Các bên đương sự không đề cập và yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do anh Trần Văn T có yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn T là được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 130 do Uỷ ban nhân dân xã Cần Đăng cấp ngày 09/7/2018 không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006820 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên anh Trần Văn T đã nộp xong.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do chính đáng) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND xã Cần Đăng;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà